

BÀI III

GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI

- 1. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng tố tụng tòa án**
- 2. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng thủ tục trọng tài.**

1. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI BẰNG TỐ TỤNG TÒA ÁN :

Trước ngày 01/01/2005, tố tụng này được giải quyết theo một qui định riêng (Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế có hiệu lực từ 01/7/1994) nhưng từ ngày 01/01/2005 thủ tục giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại được qui định chung trong Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy, có một số qui định giống với các tranh chấp dân sự khác (hôn nhân gia đình, lao động,...), bên cạnh đó cũng có một số qui định riêng chỉ áp dụng đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại và các yêu cầu về kinh doanh, thương mại

1.1. Các nguyên tắc cơ bản giải quyết vụ án kinh doanh thương mại :

1.1.1. Nguyên tắc tự định đoạt :

Các đương sự được quyền khởi kiện, quyền yêu cầu tòa án bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, quyền tự do lựa chọn tòa án giải quyết tranh chấp trong những trường hợp nhất định. Nguyên đơn được quyền thay đổi nội dung đơn kiện, quyền rút đơn khởi kiện, cũng như các bên đương sự có quyền hòa giải, thương lượng trong quá trình giải quyết vụ án.

1.1.2. Nguyên tắc đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh :

Các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp, thu thập tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Chỉ khi thấy cần thiết, Tòa án có thể xác minh, thu thập chứng cứ để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được chính xác.

1.1.3. Nguyên tắc hòa giải :

Trong quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại, Tòa kinh tế thuộc Tòa án nhân dân có nhiệm vụ phải hòa giải giữa các bên đương sự. Hòa giải là thủ tục bắt buộc trong tố tụng kinh tế, nếu không thực hiện xem như vi phạm tố tụng. Hòa giải có ý nghĩa quan trọng đối với cả hai bên đương sự và với cả Tòa án vì giúp vụ án được giải quyết nhanh chóng, đạt được yêu cầu của cả hai bên và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện những thỏa thuận đó sau này. Tòa án chỉ đưa vụ án ra xét xử khi hòa giải không thành

1.1.4. Nguyên tắc giải quyết vụ án nhanh chóng kịp thời :

Tố tụng kinh tế qui định một thời gian ngắn hơn (so với tố tụng dân sự khác) để giải quyết các tranh chấp kinh tế nhằm rút ngắn thời gian các bên phải tham gia tố tụng, phù hợp với hoạt động kinh doanh.

1.2. Thẩm quyền của tòa án :

1.2.1. Thẩm quyền theo vụ việc :

Theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự (có hiệu lực áp dụng từ 01/01/2005), thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về kinh tế trước đây nay được chia làm 2 loại:

*. Các tranh chấp về kinh doanh, thương mại : gồm :

@..Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, gồm:

- a. Mua bán hàng hóa.
- b. Cung ứng dịch vụ.
- c. Phân phối.

- d. Đại diện, đại lý.
- đ. Ký gởi
- e. Thuê, cho thuê, thuê mua.
- g. Xây dựng.
- h. Tư vấn, kỹ thuật.
- i. Vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa.
- k. Vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường hàng không, đường biển
- l. Mua bán cổ phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác.
- m. Đầu tư, tài chính, ngân hàng.
- n. Bảo hiểm.
- o. Thăm dò, khai thác.

@.. Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

@.. Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty.

@.. Các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại mà pháp luật có quy định.

*. Các yêu cầu về kinh doanh, thương mại : gồm :

@. Yêu cầu liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết các vụ tranh chấp theo qui định của pháp luật về Trọng tài thương mại.

@. Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Tòa án nước ngoài hoặc không công nhận bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

@. Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định kinh doanh, thương mại của Trọng tài nước ngoài.

@.. Các yêu cầu khác về kinh doanh, thương mại mà pháp luật có quy định.

1.2.2. Thẩm quyền của tòa án theo cấp :

* **Tòa án nhân dân cấp huyện** : (giao cho Thẩm phán được phân công giải quyết về kinh tế) có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận bao gồm:

- a. Mua bán hàng hóa.
- b. Cung ứng dịch vụ.
- c. Phân phối.
- d. Đại diện, đại lý.
- đ. Ký gởi
- e. Thuê, cho thuê, thuê mua.
- g. Xây dựng.
- h. Tư vấn, kỹ thuật
- i. Vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa.

* **Tòa án nhân dân cấp tỉnh (Tòa kinh tế)** có thẩm quyền :

- Xét xử sơ thẩm các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại trừ những vụ án thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện hoặc các tranh chấp mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án nước ngoài. Trong trường hợp cần thiết Tòa kinh tế có thể lấy lên để giải quyết những các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện.

- Xét xử sơ thẩm các yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại

- Xét xử phúc thẩm các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại do TAND cấp huyện xử sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị.

*** Ủy ban thẩm phán TAND cấp tỉnh**

Gồm Chánh án, Phó chánh án và một số Thẩm phán (không quá 9 người) của TAND cấp tỉnh có thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp huyện bị kháng nghị.

*** Tòa phúc thẩm TANDTC :**

Xử phúc thẩm những vụ án do Tòa kinh tế cấp tỉnh xử sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị.

*** Tòa kinh tế TANDTC :**

Xử giám đốc thẩm, tái thẩm những vụ án mà bản án, quyết định của Tòa kinh tế cấp tỉnh đã xử, có hiệu lực pháp luật nhưng có kháng nghị.

*** Hội đồng thẩm phán TANDTC :**

Hội đồng thẩm phán TANDTC (gồm Chánh án, các Phó chánh án và một số Thẩm phán TANDTC, không quá 17 người) có thẩm quyền xử giám đốc thẩm, tái thẩm những bản án, quyết định của Tòa phúc thẩm, Tòa kinh tế TANDTC đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị

1.2.3. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ :

***. Các tranh chấp về kinh doanh, thương mại :**

Tòa án có thẩm quyền là Tòa án nơi bị đơn có trụ sở, cư trú, làm việc. Các đương sự cũng có quyền tự thỏa thuận bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc, trụ sở của nguyên đơn giải quyết. Trường hợp vụ tranh chấp chỉ liên quan đến bất động sản thì do Tòa án nơi có bất động sản giải quyết.

***. Các yêu cầu về kinh doanh, thương mại :**

- Tòa án nơi người phải thi hành bản án, quyết định cư trú, làm việc, có trụ sở, nơi có tài sản trong trường hợp yêu cầu liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài.

- Tòa án nơi người gọi đơn cư trú, làm việc, có trụ sở trong trường hợp yêu cầu không công nhận bản án, quyết định liên quan đến việc không công nhận bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài.

***. Các trường hợp được lựa chọn Tòa án của nguyên đơn hoặc người yêu cầu :**

- Nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết.

- Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc chi nhánh giải quyết.

- Nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở Việt Nam thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết.

- Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết.

- Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết.

- Nếu tranh chấp bất động sản mà bất động sản có ở nhiều địa phương khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có một trong các bất động sản giải quyết.

Trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền của Tòa án thì do Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết.

1.3. Thủ tục xét xử sơ thẩm :

1.3.1. Khởi kiện vụ án kinh tế :

Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khởi kiện các tranh chấp kinh doanh, thương mại để yêu cầu Tòa án giải quyết trong *thời hiệu là 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm trừ trường hợp pháp luật có qui định khác*. Đối với các yêu cầu giải quyết về kinh doanh, thương mại thì thời hiệu là *một năm kể từ ngày phát sinh quyền yêu cầu*

Việc khởi kiện được thể hiện bằng đơn khởi kiện (nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện) kèm theo các tài liệu, chứng từ để chứng minh và bảo vệ quyền lợi của mình.

1.3.2. Thụ lý vụ án :

Khi nhận đơn, Tòa án phải vào sổ nhận đơn. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận đơn, Tòa án phải xem xét để có một trong các quyết định : tiến hành thủ tục thụ lý (nếu vụ án thuộc thẩm quyền); chuyển đơn nếu thuộc thẩm quyền cho Tòa án khác; trả lại đơn khởi kiện nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Trường hợp xét thấy vụ kiện thuộc thẩm quyền nhưng cần phải sửa đổi, bổ sung đơn kiện thì Tòa án thông báo và định thời hạn để nguyên đơn bổ sung nhưng không quá 30 ngày (có thể gia hạn không quá 15 ngày). Nếu nguyên đơn không sửa đổi, bổ sung thì Tòa án trả lại đơn kiện. Trường hợp đơn kiện bị trả lại thì nguyên đơn có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày đơn khởi kiện bị trả lại và trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Chánh án phải ra quyết định giải quyết.

Nếu xét thấy vụ kiện thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án phải thông báo để nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí trong trường hợp người này phải nộp tạm ứng án phí. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo, nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án khi nguyên đơn nộp cho Tòa án biên lai nộp tiền tạm ứng án phí.

1.3.3. Chuẩn bị xét xử :

Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án, Chánh án Tòa án sẽ phân công một Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án. Sau khi được phân công, Thẩm phán phụ trách cần phải tiến hành các công việc sau đây:

- Thông báo cho phía bị đơn và những người có quyền lợi liên quan đến vụ việc mà nguyên đơn đã khởi kiện và yêu cầu những người này phải gửi ý kiến của mình về vụ việc đó đến tòa án .

- Xác minh, thu thập các chứng từ, tài liệu để chuẩn bị cho việc xét xử, lấy lời khai của những người liên quan .

- Tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự. Trường hợp hòa giải thành, Tòa án sẽ lập biên bản hòa giải thành. Hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay. Trường hợp hòa giải không thành thì Tòa án lập biên bản hòa giải không thành và chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm .

- Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày thụ lý đối với những vụ án không phức tạp và không quá 3 tháng đối với những vụ án phức tạp hoặc do trở ngại khách quan, Tòa án phải ra một trong các quyết định : đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án hoặc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

1.3.4. Mở phiên tòa sơ thẩm :

Thời hạn mở phiên tòa là không quá 1 tháng (đối với trường hợp có lý do chính đáng là 2 tháng) kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thành phần của hội đồng xét xử sơ thẩm gồm 1 thẩm phán và 2 hội thẩm nhân dân. Trường hợp đặc biệt thì Hội đồng xét xử gồm 2 Thẩm phán và 3 Hội thẩm nhân dân

Đương sự được cấp trích lục bản án, quyết định về vụ án trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên Tòa. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Tòa án phải giao hoặc gửi bản án cho đương sự..

1.3.5. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời :

Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được, bảo đảm việc thi hành án và chịu trách nhiệm về yêu cầu này. Trường hợp do tình thế khẩn cấp, cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngay thì đương sự có thể yêu cầu Tòa án thực hiện khi nộp đơn khởi kiện. Đơn yêu cầu của đương sự về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải được Thẩm phán phụ trách giải quyết trong thời hạn 3 ngày. Trường hợp khẩn cấp phải giải quyết trong thời hạn 48 giờ. Quyết định này có thể bị khiếu nại hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát đến Chánh án tòa án đang giải quyết và Chánh án phải xem xét, giải quyết trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Các biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể áp dụng là :

- Kê biên tài sản đang tranh chấp,
- Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.
- Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp
- Cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hóa khác
- Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, kho bạc Nhà nước, ở nơi giữ.
- Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ
- Cấm hoặc buộc đương sự thực hiện một số hành vi nhất định.

Người yêu cầu Tòa án thực hiện các biện pháp nêu trên (trừ biện pháp cấm hoặc buộc đương sự thực hiện một số hành vi nhất định) phải gửi một khoản tiền, kim khí quý hoặc giấy tờ có giá do Tòa án ấn định tương đương với nghĩa vụ tài sản mà người có nghĩa vụ phải thực hiện để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

1.4. Thủ tục phúc thẩm :

1.4.1. Trình tự kháng cáo, kháng nghị :

Đương sự hoặc người đại diện của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa xử sơ thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản sao bản án, quyết định được giao cho họ hoặc niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi họ có trụ sở hoặc cư trú .

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên là 30 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc ra quyết định. Nếu Viện kiểm

sát không tham gia phiên Tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản sao bản án, quyết định

Tòa án cũng có thể chấp nhận kháng cáo quá hạn vì trở ngại khách quan

Kháng cáo, kháng nghị phải được gửi đến Tòa án đã xét xử sơ thẩm trong thời gian luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Sau đó, Tòa án cấp sơ thẩm gửi toàn bộ hồ sơ vụ án kèm theo kháng cáo, kháng nghị lên Tòa án cấp trên để giải quyết.

1.4.2. Phiên tòa phúc thẩm :

Sau khi nhận được hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị và tài liệu kèm theo, Tòa án cấp phúc thẩm vào sổ thụ lý. Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày thụ lý, Tòa án phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử nếu không có căn cứ đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Đối với vụ án phức tạp, thời hạn này là 3 tháng. Trong thời hạn từ 1 đến 2 tháng kể từ ngày có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên Tòa phúc thẩm giải quyết vụ án.

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có 3 thẩm phán

1.4.3. Thẩm quyền tòa án cấp phúc thẩm :

Tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền :

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Sửa đổi một phần hoặc toàn bộ của bản án sơ thẩm.
- Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.
- Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án nếu có căn cứ.

Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay.

1.5. Thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm :

Khi bản án, quyết định đã áp dụng nhưng phát hiện những sơ sót, sai sót, để đảm bảo việc giải quyết vụ án công bằng, đúng pháp luật, trong tổ tụng kinh tế (như các loại tố tụng khác) có thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm để giải quyết lại vụ án trên.

1.5.1. Thủ tục giám đốc thẩm :

a). Căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm :

Việc kháng nghị giám đốc thẩm được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Thí dụ: Tòa án cấp sơ thẩm đã không hòa giải cho các đương sự, hoặc thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm thiếu hội thẩm nhân dân,.....
- Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án .
- Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Thí dụ sử dụng luật cũ, áp dụng sai điều luật v. v...

b). Những người có quyền kháng nghị và thời hạn xét xử giám đốc thẩm :

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án các cấp trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC
- Chánh án TAND cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền kháng nghị đối với bản án, quyết định của TAND cấp huyện .

Thời hạn kháng nghị là 3 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Thời hạn xét xử giám đốc thẩm là 4 tháng kể từ ngày nhận được kháng nghị kèm hồ sơ vụ án.

c). Thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm , được qui định như sau :

- Ủy ban Thẩm phán tòa án nhân dân cấp tỉnh giám đốc thẩm những vụ án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng nghị.
- Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm những vụ án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng nghị
- Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm những vụ án mà bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa phúc thẩm, Tòa kinh tế TANDTC bị kháng nghị.

Thành phần Hội đồng xét xử của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao gồm 3 thẩm phán, quyết định theo đa số. Quyết định của Hội đồng thẩm phán, Ủy ban thẩm phán TAND cấp tỉnh có giá trị khi đạt tỉ lệ quá bán tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Phiên Tòa giám đốc thẩm không phải triệu tập đương sự và những người có quyền lợi liên quan đến kháng nghị (trừ những trường hợp Tòa án thấy cần thiết).

Hội đồng xét xử giám đốc thẩm có quyền:

- Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nếu thấy rằng kháng nghị không có căn cứ.
- Giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc sửa.
- Hủy bản án, quyết định bị kháng nghị để xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm lại.
- Hủy bản án, quyết định bị kháng nghị và đình chỉ việc giải quyết vụ án nếu có đủ căn cứ để đình chỉ.

1.5.2. Thủ tục tái thẩm:

a). Căn cứ để kháng nghị tái thẩm:

- Mới phát hiện được tình tiết quan trọng của vụ án mà đương sự không thể biết được khi giải quyết vụ án.
- Có cơ sở để chứng minh kết luận của người giám định, lời dịch của người phiên dịch là không đúng sự thật hoặc có sự giả mạo bằng chứng.
- Người tiến hành tố tụng (Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Thư ký tòa án) cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án.
- Bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước mà Tòa án dựa vào đó để giải quyết vụ án đã bị hủy bỏ

b). Những người có quyền kháng nghị và thời hạn xét xử tái thẩm:

Những người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm cũng là những người có thẩm quyền kháng nghị tái thẩm.

Thời hạn kháng nghị tái thẩm là 1 năm kể từ ngày người có thẩm quyền biết được căn cứ để kháng nghị. Thời hạn xét xử tái thẩm là 4 tháng kể từ ngày nhận được kháng nghị kèm hồ sơ vụ án

c). Thẩm quyền xét xử tái thẩm:

Thời hạn xét xử và cơ quan có thẩm quyền xét xử tái thẩm được quy định như đối với trường hợp giám đốc thẩm.

Hội đồng xét xử theo thủ tục tái thẩm có quyền:

- Không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.
- Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại.
- Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ việc giải quyết vụ án nếu có căn cứ để đình chỉ.

2. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI BẰNG THỦ TỤC TRỌNG TÀI :

2.1. Khái niệm:

Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo thủ tục Trọng tài là trình tự áp dụng tại cơ quan Trọng tài do các bên lựa chọn để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại bao gồm mua bán hàng hóa; cung ứng dịch vụ; phân phối; đại diện, đại lý thương mại; ký gởi, thuê, cho thuê; thuê mua; xây dựng; tư vấn; kỹ thuật; li-xăng; đầu tư; tài chính; ngân hàng; bảo hiểm; thăm dò; khai thác; vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và các hành vi thương mại khác. Theo Pháp lệnh Trọng tài thương mại (có hiệu lực từ 01/7/2003), thủ tục này gồm 2 loại : giải quyết tranh chấp tại Hội đồng trọng tài do Trung tâm trọng tài tổ chức hoặc tại Hội đồng trọng tài do các bên thành lập (gồm 3 Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất do các bên thỏa thuận).

2.1.1. Trọng tài viên :

Để trở thành Trọng tài viên phải hội đủ các điều kiện sau :

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, vô tư, khách quan.
- Có bằng đại học và đã qua thực tế công tác theo ngành đã học từ năm năm trở lên.
- Người đang bị quản chế hành chính, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích không được làm Trọng tài viên.
- Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, Chấp hành viên, công chức đang công tác tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án không được làm Trọng tài viên.

2.1.2. Trung tâm Trọng tài :

Trung tâm Trọng tài là tổ chức phi chính phủ, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Muốn thành lập Trung tâm Trọng tài phải có đề nghị của ít nhất 5 sáng lập viên có đủ điều kiện làm Trọng tài viên và được Hội Luật gia Việt Nam giới thiệu, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định cấp Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài.

Sau khi được cấp giấy phép thành lập, Trung tâm Trọng tài phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở đăng báo trong ba số liên tiếp về những nội dung chủ yếu của trung tâm

Trung tâm Trọng tài có Ban điều hành và các Trọng tài viên. Ban điều hành Trung tâm Trọng tài gồm có Chủ tịch, một hoặc các Phó chủ tịch, có thể có Tổng Thư ký do Chủ tịch Trung tâm Trọng tài cử. Những người được Trung tâm Trọng tài mời làm Trọng tài viên phải có đủ điều kiện quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này.

2.2. Điều kiện :

Để giải quyết theo thủ tục trọng tài, trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp, phải có thỏa thuận về việc nhờ cơ quan trọng tài giải quyết. Thỏa thuận trọng tài phải được lập thành văn bản. Các hình thức khác như thư, điện báo, telex, fax, thư điện tử hoặc hình thức văn bản khác thể hiện rõ ý chí của các bên giải quyết vụ tranh chấp bằng trọng tài cũng được coi là thỏa thuận bằng văn bản. Thỏa thuận này có thể ghi hẳn trong hợp đồng hoặc ghi riêng. Trường hợp đã có sự thỏa thuận của hai bên về việc chọn trọng tài mà sau đó một trong hai bên đưa ra Tòa án để giải quyết thì Tòa án phải từ chối thụ lý trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu

2.3. Thời hiệu khởi kiện :

Đối với vụ tranh chấp mà pháp luật có quy định thời hiệu khởi kiện thì thực hiện theo quy định đó của pháp luật.

Đối với vụ tranh chấp mà pháp luật không quy định thời hiệu khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện giải quyết vụ tranh chấp bằng trọng tài là hai năm, kể từ ngày xảy ra tranh chấp, trừ trường hợp bất khả kháng. Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày xảy ra sự kiện cho đến khi không còn sự kiện bất khả kháng.

2.4. Trình tự giải quyết :

2.4.1. Đơn kiện :

- Để giải quyết vụ tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài, nguyên đơn phải làm đơn kiện gửi Trung tâm Trọng tài. Kèm theo đơn kiện, nguyên đơn phải gửi bản chính hoặc bản sao thoả thuận trọng tài, bản chính hoặc bản sao các tài liệu, chứng cứ. Bản sao phải có chứng thực hợp lệ. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn kiện, Trung tâm Trọng tài phải gửi cho bị đơn bản sao đơn kiện của nguyên đơn, tên Trọng tài viên mà nguyên đơn chọn và các tài liệu kèm theo cùng với danh sách trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn kiện, nếu các bên không có thoả thuận khác, bị đơn phải gửi cho Trung tâm Trọng tài bản tự bảo vệ

- Để giải quyết vụ tranh chấp tại Hội đồng Trọng tài do các bên thành lập, nguyên đơn phải làm đơn kiện gửi cho bị đơn có các nội dung chính liên quan đến vụ kiện. Nếu không có thoả thuận khác, trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được đơn kiện của nguyên đơn và các tài liệu kèm theo, bị đơn phải gửi cho nguyên đơn bản tự bảo vệ và tên Trọng tài viên mà mình chọn

2.4.2. Thành lập Hội đồng Trọng tài :

a). Trường hợp giải quyết qua Trung tâm Trọng tài thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn kiện và các tài liệu kèm theo do Trung tâm Trọng tài gửi đến, bị đơn phải chọn Trọng tài viên có tên trong danh sách Trọng tài viên của Trung tâm trọng tài và báo cho Trung tâm Trọng tài biết hoặc yêu cầu Chủ tịch Trung tâm Trọng tài chỉ định Trọng tài viên cho mình. Hết thời hạn này, nếu bị đơn không chọn Trọng tài viên hoặc không yêu cầu Chủ tịch Trung tâm Trọng tài chỉ định Trọng tài viên thì trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài chỉ định Trọng tài viên có tên trong danh sách trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài cho bị đơn.

Trường hợp vụ tranh chấp có nhiều bị đơn thì các bị đơn phải thống nhất chọn một Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu chọn Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài. Hết thời hạn này, nếu các bị đơn không chọn được Trọng tài viên thì trong thời hạn 7 ngày làm việc, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài chỉ định Trọng tài viên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hai Trọng tài viên được các bên chọn hoặc được Chủ tịch Trung tâm Trọng tài chỉ định, các Trọng tài viên này phải chọn Trọng tài viên thứ ba có tên trong danh sách Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài. Hết thời hạn này, hai Trọng tài viên được chọn hoặc được chỉ định không chọn được Trọng tài viên thứ ba thì trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài chỉ định Trọng tài viên thứ ba có tên trong danh sách Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

Trong trường hợp các bên thoả thuận vụ tranh chấp do Trọng tài viên duy nhất của Trung tâm Trọng tài giải quyết, nhưng không chọn được Trọng tài viên thì theo yêu cầu của một bên, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài chỉ định Trọng tài viên duy nhất cho các bên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu và thông báo cho

các bên. Trọng tài viên duy nhất làm nhiệm vụ như một Hội đồng Trọng tài. Quyết định của Trọng tài viên duy nhất có hiệu lực thi hành như quyết định của Hội đồng Trọng tài.

b). Trường hợp giải quyết bằng Hội đồng Trọng tài do các bên thành lập thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nguyên đơn gửi đơn kiện cho bị đơn, các bên không có thỏa thuận khác, bị đơn phải chọn Trọng tài viên và thông báo cho nguyên đơn biết Trọng tài viên mà mình chọn. Hết thời hạn này, nếu bị đơn không thông báo cho nguyên đơn tên Trọng tài viên mà mình chọn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi bị đơn có trụ sở hoặc cư trú chỉ định Trọng tài viên cho bị đơn. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Chánh án Tòa án giao cho một Thẩm phán chỉ định Trọng tài viên cho bị đơn và thông báo cho các bên.

Trong trường hợp vụ tranh chấp có nhiều bị đơn thì các bị đơn phải thống nhất chọn một Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn kiện của nguyên đơn. Hết thời hạn này, các bị đơn không chọn được Trọng tài viên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án cấp tỉnh, nơi có trụ sở hoặc cư trú của một trong các bị đơn chỉ định Trọng tài viên cho các bị đơn. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Chánh án Tòa án giao cho một Thẩm phán chỉ định Trọng tài viên theo yêu cầu nguyên đơn và thông báo cho các bên.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hai Trọng tài viên được chọn hoặc được Tòa án chỉ định, các Trọng tài viên này phải thống nhất chọn Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng trọng tài. Hết thời hạn này, nếu hai Trọng tài viên được chọn hoặc được chỉ định không chọn được Trọng tài viên thứ ba, các bên có quyền yêu cầu Tòa án cấp Tỉnh, nơi bị đơn có trụ sở hoặc cư trú chỉ định Trọng tài viên thứ ba. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Chánh án Tòa án giao cho một Thẩm phán chỉ định Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng trọng tài và thông báo cho các bên.

Trọng tài viên do các bên chọn hoặc do Tòa án chỉ định có thể là Trọng tài viên trong danh sách hoặc ngoài danh sách Trọng tài viên của các trung tâm Trọng tài Việt Nam.

Trong trường hợp các bên thỏa thuận vụ tranh chấp do Trọng tài viên duy nhất giải quyết, nhưng không chọn được trọng tài viên duy nhất thì theo yêu cầu của một bên, Chánh án Tòa án cấp tỉnh nơi bị đơn có trụ sở hoặc cư trú giao cho một Thẩm phán chỉ định Trọng tài viên duy nhất cho các bên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu và thông báo cho các bên.

2.4.3. Nghiên cứu hồ sơ, xác minh sự việc và thu thập chứng cứ:

Sau khi được chọn hoặc chỉ định, các Trọng tài viên phải nghiên cứu hồ sơ, xác minh sự việc nếu thấy cần thiết.

Hội đồng Trọng tài có quyền gặp các bên để nghe các bên trình bày ý kiến. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên hoặc theo sáng kiến của mình, Hội đồng Trọng tài có thể tìm hiểu sự việc từ người thứ ba với sự có mặt của các bên hoặc sau khi đã thông báo cho các bên.

Các bên có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh sự việc mà mình nêu ra. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Trọng tài có thể tự mình thu thập chứng cứ, mời giám định theo yêu cầu của một bên hoặc các bên và phải thông báo cho các bên biết. Bên yêu cầu giám định phải nộp tạm ứng phí giám định, trường hợp các bên mời giám định thì cùng phải nộp tạm ứng phí giám định.

2.4.4. Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Trong quá trình Hội đồng trọng tài giải quyết vụ tranh chấp, nếu cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại hoặc có nguy cơ trực tiếp bị xâm hại, thì các bên có quyền làm đơn đến Toà án cấp tỉnh nơi Hội đồng trọng tài thụ lý vụ tranh chấp yêu cầu áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời sau đây:

- Bảo toàn chứng cứ trong trường hợp chứng cứ đang bị tiêu huỷ hoặc có nguy cơ bị tiêu huỷ

- Kê biên tài sản tranh chấp
- Cấm chuyển dịch tài sản tranh chấp
- Cấm thay đổi hiện trạng tài sản tranh chấp
- Kê biên và niêm phong tài sản ở nơi gửi giữ
- Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng.

Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải gửi kèm theo bản sao đơn kiện, bản sao thỏa thuận trọng tài, các bằng chứng liên quan đến biện pháp khẩn cấp tạm thời yêu cầu áp dụng. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải nộp một khoản tiền bảo đảm do Toà án ấn định, nhưng không quá nghĩa vụ tài sản mà người có nghĩa vụ phải thực hiện để bảo vệ lợi ích của bị đơn và ngăn ngừa sự lạm dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời từ phía người có yêu cầu. Các khoản tiền này được gửi giữ tại ngân hàng nơi có trụ sở của Toà án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Sau khi nhận được đơn yêu cầu, Chánh án Toà án cấp tỉnh giao cho một Thẩm phán xem xét, giải quyết đơn yêu cầu. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày được giao, Thẩm phán phải kiểm tra tính chính xác của những tài liệu và có thể ra quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải được gửi ngay cho Hội đồng trọng tài, các bên tranh chấp và Viện Kiểm sát cùng cấp. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thi hành ngay.

Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị, bị đơn có quyền yêu cầu Chánh án Toà án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời xem xét, giải quyết việc thay đổi, huỷ bỏ hoặc giữ nguyên các biện pháp đó. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kiến nghị của Viện Kiểm sát hoặc yêu cầu của bị đơn, Chánh án Toà án phải có quyết định và trả lời cho Viện Kiểm sát hoặc bị đơn.

2.4.5. Hoà giải:

- Trong quá trình tố tụng trọng tài, các bên có thể tự hoà giải. Trong trường hợp hoà giải thành thì theo yêu cầu của các bên, Hội đồng trọng tài sẽ đình chỉ tố tụng.

- Các bên cũng có thể yêu cầu Hội đồng trọng tài tiến hành hoà giải. Trong trường hợp hoà giải thành thì các bên có thể yêu cầu Hội đồng trọng tài lập biên bản hoà giải thành và ra quyết định công nhận hoà giải thành. Biên bản hoà giải thành phải được các bên và các trọng tài ký. Quyết định công nhận hoà giải thành của Hội đồng trọng tài là chung thẩm và được thi hành.

2.4.6. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp:

Thời gian mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp do Chủ tịch Hội đồng trọng tài quyết định, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp không công khai. Trong trường hợp có sự đồng ý của các bên, Hội đồng trọng tài có thể cho phép những người khác tham dự phiên họp.

Nguyên đơn đã được triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không tham dự phiên họp không có lý do chính đáng hoặc bỏ phiên họp mà không được Hội đồng trọng tài đồng ý thì được coi là đã rút đơn kiện. Trong trường hợp này, Hội đồng trọng tài tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp nếu bị đơn yêu cầu hoặc có đơn kiện lại.

Bị đơn đã được triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không tham dự phiên họp không có lý do chính đáng hoặc bỏ phiên họp mà không được Hội đồng trọng tài đồng ý thì Hội đồng trọng tài vẫn tiến hành giải quyết vụ tranh chấp căn cứ vào tài liệu và chứng cứ hiện có.

Trong trường hợp các bên yêu cầu, Hội đồng trọng tài có thể căn cứ vào hồ sơ để giải quyết vụ tranh chấp mà không cần các bên có mặt.

Quyết định trọng tài của Hội đồng trọng tài được lập theo nguyên tắc đa số, trừ trường hợp vụ tranh chấp do Trọng tài viên duy nhất giải quyết. Ý kiến của thiểu số được ghi vào biên bản phiên họp.

Quyết định trọng tài có thể được công bố ngay tại phiên họp cuối cùng hoặc sau đó nhưng chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng. Toàn văn quyết định trọng tài phải gửi đến các bên sau khi công bố.

2.5. Quyền yêu cầu hủy quyết định trọng tài :

2.5.1. Thời hạn và trình tự giải quyết :

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định trọng tài, nếu có bên không đồng ý với quyết định trọng tài thì có quyền làm đơn gửi Tòa án cấp tỉnh nơi Hội đồng trọng tài ra quyết định trọng tài, để yêu cầu hủy quyết định trọng tài. Trường hợp gặp sự kiện bất khả kháng thì thời gian có sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hạn yêu cầu hủy quyết định trọng tài.

Tòa án thụ lý kể từ ngày bên có yêu cầu nộp lệ phí. Sau khi thụ lý, Tòa án phải thông báo cho Trung tâm trọng tài hoặc Hội đồng trọng tài, các bên tranh chấp và Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thụ lý, Chánh án Tòa án chỉ định một Hội đồng xét xử gồm 3 Thẩm phán, trong đó có một Thẩm phán làm chủ tọa và phải mở phiên Tòa để xét đơn yêu cầu hủy quyết định trọng tài.

Phiên Tòa được tiến hành với sự có mặt của các bên tranh chấp, luật sư của các bên (nếu có), Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp một trong các bên yêu cầu Tòa án xét đơn vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc bỏ phiên họp mà không được Hội đồng xét xử đồng ý thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét đơn yêu cầu hủy quyết định trọng tài.

Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét lại nội dung vụ tranh chấp mà chỉ kiểm tra lại giấy tờ, đối chiếu quyết định trọng tài để xem có căn cứ để hủy quyết định trọng tài không.

2.5.2. Căn cứ để hủy quyết định trọng tài:

Tòa án sẽ ra quyết định hủy quyết định trọng tài nếu bên yêu cầu chứng minh được rằng Hội đồng trọng tài đã ra quyết định trọng tài nhưng rơi vào một trong các trường hợp sau đây:

- + Không có thỏa thuận trọng tài
- + Thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Thỏa thuận trọng tài vô hiệu trong những trường hợp sau:

- Tranh chấp phát sinh không thuộc hoạt động thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài.

- Người ký thoả thuận trọng tài không có thẩm quyền ký kết theo quy định của Pháp luật.
- Một bên ký kết thoả thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ
- Thoả thuận trọng tài không quy định hoặc quy định không rõ đối tượng tranh chấp, tổ chức trọng tài có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp mà sau đó các bên không có thoả thuận bổ sung.
- Thoả thuận trọng tài không được lập bằng văn bản hoặc hình thức khác được xem như văn bản (telex, fax,).
- Bên ký kết thoả thuận trọng tài bị lừa dối, bị đe dọa và có yêu cầu tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu; thời hiệu yêu cầu tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu là 6 tháng, kể từ ngày ký kết thoả thuận trọng tài, nhưng phải trước ngày Hội đồng Trọng tài mở phiên họp đầu tiên giải quyết vụ tranh chấp.
- + Thành phần Hội đồng trọng tài, tổ tụng trọng tài không phù hợp với thoả thuận của các bên theo quy định của pháp lệnh này
- + Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, trong trường hợp quyết định trọng tài có một phần không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài thì phần quyết định này bị hủy
- + Trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp có Trọng tài viên vi phạm nghĩa vụ của Trọng tài viên
- + Quyết định trọng tài trái với lợi ích công cộng của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Trong trường hợp Hội đồng xét xử hủy quyết định trọng tài, nếu không có thoả thuận khác thì các bên có quyền đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án .

Trong trường hợp Hội đồng xét xử không hủy quyết định trọng tài thì quyết định trọng tài được thi hành (nếu không có kháng cáo, kháng nghị)

2.5.3. Kháng cáo, kháng nghị quyết định của tòa án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định, các bên có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị quyết định của Tòa án. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày của Viện kiểm sát nhân dân tối cao là 30 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Sau khi nhận được đơn kháng cáo, Tòa án thông báo ngay cho bên kháng cáo nộp lệ phí kháng cáo.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ kháng cáo hoặc quyết định kháng nghị, Tòa án nhân dân tối cao phải mở phiên Tòa xem xét, quyết định. Nếu cần phải yêu cầu người kháng cáo, kháng nghị giải thích những nội dung kháng cáo, kháng nghị thì thời hạn mở phiên Tòa được kéo dài thêm nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ kháng cáo, kháng nghị. Thành phần Hội đồng xét kháng cáo, kháng nghị gồm 3 thẩm phán, trong đó có một Thẩm phán làm chủ tọa do Tòa án nhân dân tối cao chỉ định.

Hội đồng xét xử quyết định theo đa số và có quyền giữ nguyên, sửa một phần hoặc toàn bộ quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, đình chỉ việc xét kháng cáo trong trường hợp Viện kiểm sát rút quyết định kháng nghị, bên kháng cáo rút kháng cáo hoặc đã được triệu tập họp lệ mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc bỏ phiên họp mà không được Hội đồng xét xử đồng ý.

Quyết định của TANDTC là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành

2.6. Thi hành quyết định trọng tài:

Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định trọng tài, nếu một bên không tự nguyện thi hành, cũng không yêu cầu huỷ quyết định trọng tài, bên được thi hành quyết định trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án cấp tỉnh nơi có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản của bên phải thi hành, thi hành quyết định trọng tài.

Trong trường hợp một trong các bên có yêu cầu Toà án huỷ quyết định trọng tài thì quyết định trọng tài được thi hành kể từ ngày quyết định của Toà án không huỷ quyết định trọng tài có hiệu lực .

2.7. Giải quyết vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài bằng trọng tài :

Tranh chấp có yếu tố nước ngoài là tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại mà một bên hoặc các bên là người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài tham gia hoặc căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ có tranh chấp phát sinh ở nước ngoài hoặc tài sản liên quan đến tranh chấp đó ở nước ngoài.

Vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài theo thỏa thuận của các bên, có thể giải quyết tại Hội đồng trọng tài do Trung tâm trọng tài tổ chức hoặc tại Hội đồng trọng tài do các bên thành lập theo quy định trên nhưng cũng có thể áp dụng các quy tắc tố tụng khác, nếu các bên có thỏa thuận

Trọng tài viên do các bên chọn hoặc do Tòa án chỉ định có thể là Trọng tài viên có tên trong danh sách hoặc ngoài danh sách Trọng tài viên của các Trung tâm Trọng tài của Việt Nam hoặc là trọng tài viên nước ngoài theo quy định của pháp luật về trọng tài của nước đó

Trong trường hợp một bên hoặc các bên yêu cầu Tòa án nước ngoài chỉ định Trọng tài viên thì Tòa án có thẩm quyền chỉ định trọng tài viên là Tòa án được xác định theo quy định của pháp luật nước đó .

Các bên có quyền thỏa thuận lựa chọn pháp luật nước ngoài để giải quyết nhưng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hoặc, tập quán thương mại quốc tế để giải quyết vụ tranh chấp

Các bên cũng có quyền thỏa thuận địa điểm giải quyết vụ tranh chấp tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài; nếu không thỏa thuận được thì Hội đồng trọng tài quyết định, nhưng phải bảo đảm thuận tiện cho các bên trong việc giải quyết ; có quyền thỏa thuận về sử dụng ngôn ngữ trong tố tụng trọng tài, nếu các bên không có thỏa thuận thì ngôn ngữ dùng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.

LS.Th.S. LÊ MINH NHỰT
(Tháng 02/2006)